Điền vào phiếu

Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1. Book	
2. Teacher	
3. Ruler	
4. Painting	
5. Computer	
6. Board	
7. Keyboard	
8. Poster	
9. Crayon	
10. Mouse	
11. Rubber	
12. Paper	
13. Pencil	
14. Picking	
15. Holding	

LIVEWORKSHEETS